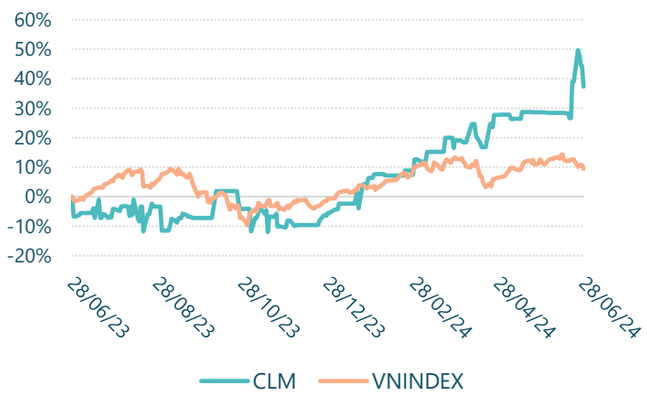
CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin (HNX: CLM)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	82,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.0%	**15.4%**	**46.8%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	52,911 - 90,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	909
Số lượng CPLH (CP)	11,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,740
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.14
EPS	18,117
P/E	4.6

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

4,930

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,187 | -19.4%

YoY: ▲ 1,106 | 28.9%

Nợ/VCSH

Q2/24

487%

YoY: +/-▲ 145%

LN gộp

Q2/24

127

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00 | 1.4%

YoY: ▼6.00 | -4.7%

ROE (TTM)

Q2/24

32.1%

YoY: +/-▼ 1.9%

LN trước thuế

Q2/24

62.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.60 | 6.1%

YoY: ▼7.60 | -11.0%

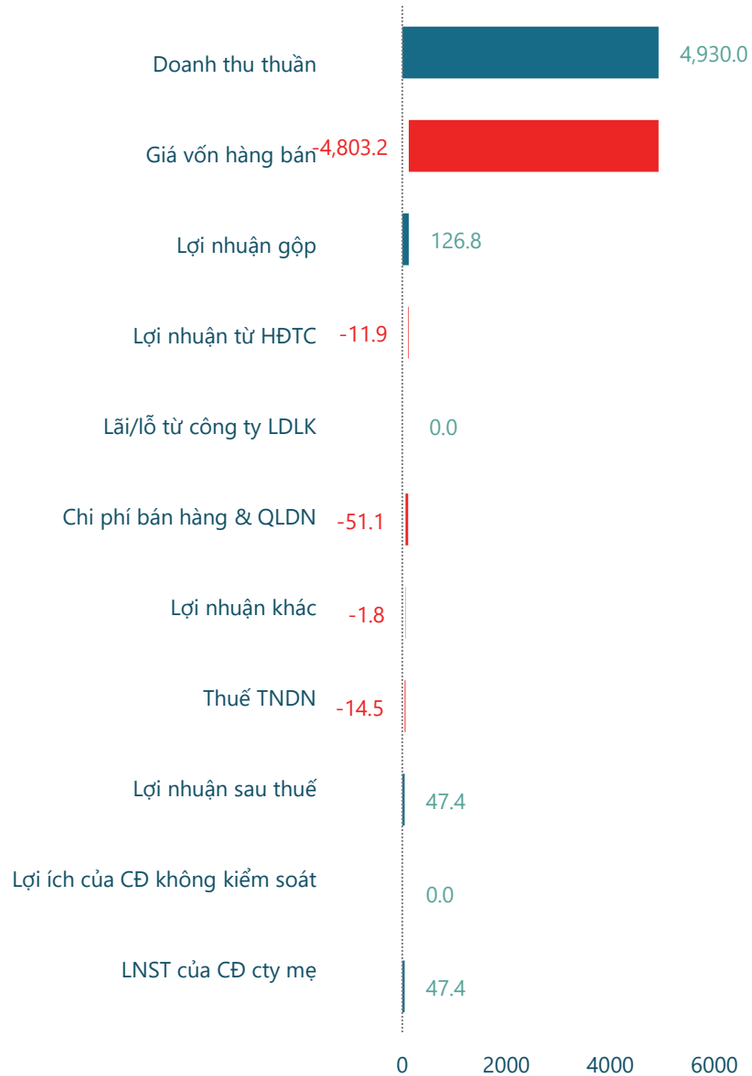
ROA (TTM)

Q2/24

5.3%

YoY: +/-▼ 2.7%

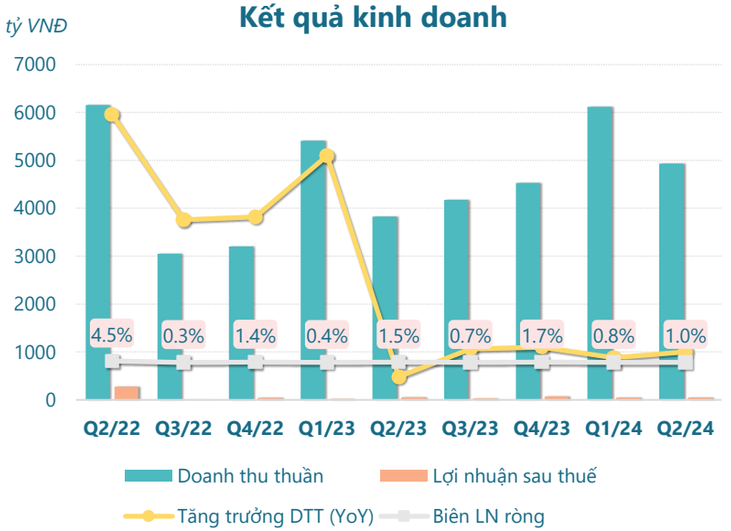
Kết quả kinh doanh Q2/24



CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin (HNX: CLM)

FireAnt

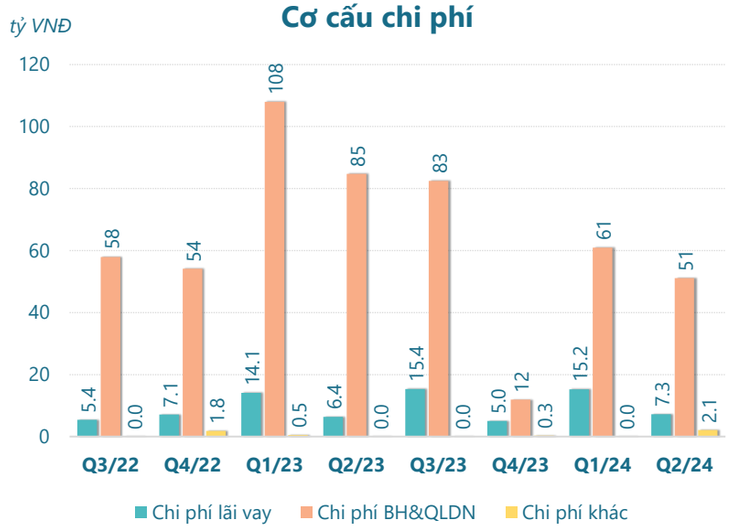
Kết quả kinh doanh



Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 63.78 tỷ đồng**, tăng thêm 9.87% so với kỳ trước và thấp hơn 6.16% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 11.88 tỷ đồng** giảm đi 5.81 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 159% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 1.81 tỷ đồng** giảm đi 632% so với kỳ trước và thấp hơn 208% so với cùng kỳ năm trước.

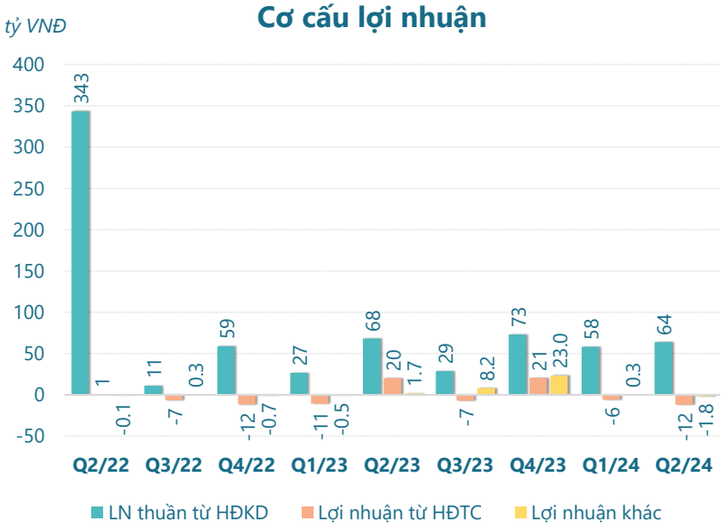
Cơ cấu chi phí



Kết quả kinh doanh của **CLM** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **4,930 tỷ đồng** tăng thêm **28.9%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 47.42 tỷ đồng**, **giảm sút 14.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **11,047 tỷ đồng** cao hơn 19.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 94.00 tỷ đồng** cao hơn 22.1% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **7.25 tỷ đồng** giảm đi 52.4% so với kỳ trước và cao hơn 14.2% so với cùng kỳ năm trước.

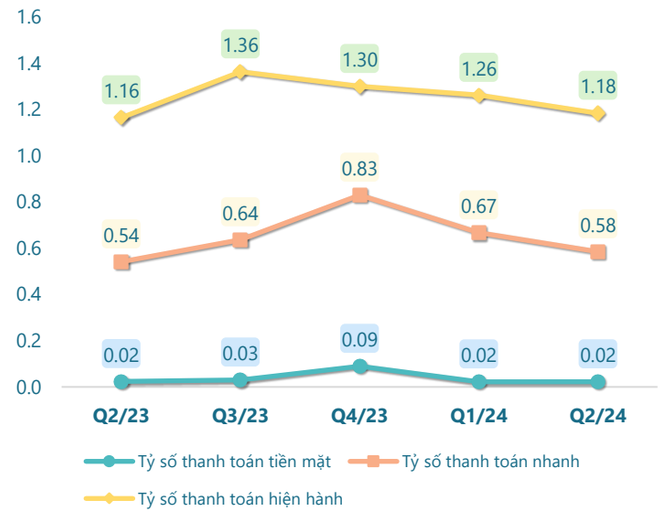
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **51.12 tỷ đồng** giảm đi 16.1% so với kỳ trước và thấp hơn 39.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **2.08 tỷ đồng** tăng thêm 6833% so với kỳ trước và cao hơn 10300% so với cùng kỳ năm trước.

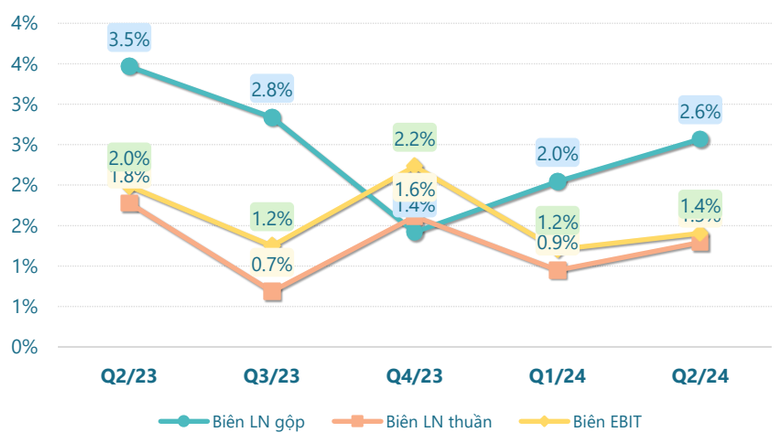
CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin (HNX: CLM)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4,930**	**6,117**	**-19.4%**	**3,824**	**28.9%**	**11,047**	**9,232**	**19.7%**
Giá vốn hàng bán	4,803	5,992	-19.8%	3,692	30.1%	10,795	8,954	20.6%
Lợi nhuận gộp	127	125	1.4%	133	-4.7%	252	278	-9.4%
Doanh thu HĐTC	4.08	17.9	-77.2%	27.8	-85.3%	22.0	38.0	-42.1%
Chi phí TC	16.0	24.0	-33.5%	7.63	109%	40.0	28.5	40.1%
Chi phí lãi vay	7.25	15.2	-52.3%	6.35	14.2%	22.5	20.5	10.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	25.2	40.5	-37.9%	26.8	-6.1%	65.7	113	-42.0%
Chi phí QLDN	**26.0**	**20.4**	**27.2%**	**58.0**	**-55.3%**	**46.3**	**79.5**	**-41.7%**
LN thuần từ HĐKD	63.8	58.1	9.8%	68.0	-6.2%	122	94.6	28.8%
Lợi nhuận khác	**-1.81**	**0.34**	**-631%**	**1.67**	**-208%**	**-1.47**	**1.22**	**-220%**
LN trước thuế	62.0	58.4	6.1%	69.6	-11.0%	120	95.8	25.6%
Lợi nhuận sau thuế	**47.4**	**46.6**	**1.8%**	**55.6**	**-14.7%**	**94.1**	**76.6**	**22.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**47.4**	**46.6**	**1.8%**	**55.6**	**-14.7%**	**94.1**	**76.6**	**22.9%**

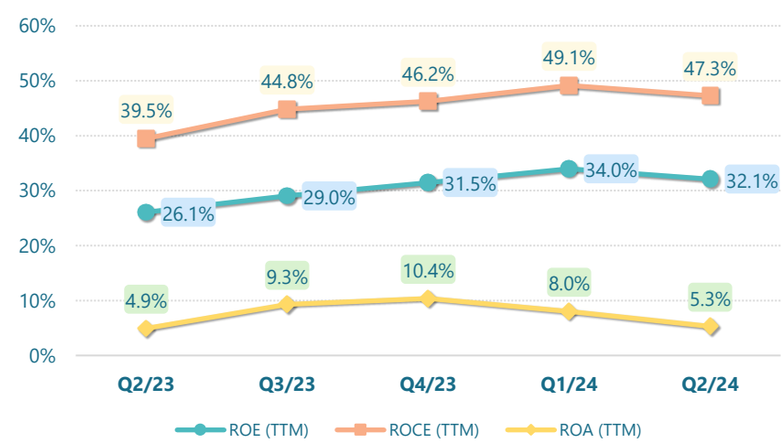
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

